TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày 07/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÂM ĐỒNG

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông

2. Ông Phạm Xuân Vạn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2025/TLST-HS ngày 15/7/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 25/7/2025 của Toà án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng, đối với:

Bị cáo **Ngô Quang N** *(Có mặt)*, giới tính nam, sinh năm 1960, tại tỉnh H, nay là thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ N, phường B, tỉnh L; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: làm nông; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Ngô Quang Đ và bà Phạm Thi T *(đều đã chết)*; gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai; bị cáo từng có vợ là Nguyễn Thị K và có 03 người con, hiện đang sinh sống ở tổ N, phường B, tỉnh L; Nhân thân: tiền án, tiền sự không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ N, phường B, tỉnh L và tạm hoãn xuất cảnh.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị B *(Có mặt)*, sinh năm 1984

Địa chỉ: đường L, phường T, Thành phố H.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Văn L *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn Đ, phường B, tỉnh L

2. Anh Nguyễn Văn H *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp Đ, xã G, tỉnh Đ

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Mai Ngọc S *(Có mặt)*

Địa chỉ: thôn Đ, phường B, tỉnh L

2. Anh K'P *(Vắng mặt)* và anh K'T *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn Đ, phường B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 1991, ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1960, trú tại ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đ) đến sinh sống và khai hoang được khoảng 18 ha đất tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ cũ để trồng điều và cây cao su. Năm 2017, ông H bán toàn bộ diện tích đất và cây trồng trên đất, để chuyển về Đ sinh sống. Từ năm 2017 đến năm 2023 diện tích đất này được sang nhượng qua lại cho nhiều người. Đến tháng 6/2023, bà Nguyễn Thị B (sinh năm 1984, trú tại đường L, phường T, TP. H) mua lại và nhờ ông Mai Ngọc S (sinh năm 1966, ở đối diện rẫy) trông coi, quản lý và được thu hoạch điều trồng trên đất.

Khoảng tháng 10/2024, Ngô Quang N (là người quen cũ của ông H) thấy phần đất diện tích đất trồng điều trước đây của ông H không có người canh tác nên nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt. N dùng cọc gỗ đóng xung quanh diện tích đất khoảng 3.000m2 và tìm người cưa bán cây điều để lấy đất canh tác. Đầu tháng 11/2024, N thoả thuận bán toàn bộ cây điều trên phần đất đã đóng cọc cho anh Trần Văn L (sinh năm 1968, trú tại: thôn A, xã Đ, huyện Đ cũ) với số tiền 3.000.000 đồng. Ngày 05/11/2024, anh L thuê K'P (sinh năm 1996) và K'T (sinh năm 1998) cùng trú tại thôn A, xã Đ cũ cưa hạ được 103 cây điều rồi cắt khúc nhỏ để làm củi và vận chuyển lên đường để chở đi bán. Đến khoảng 17 giờ ngày 06/11/2024, ông Mai Ngọc S phát hiện vụ việc và trình báo Công an xã Đ cũ.

Tại bản kết L định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 16/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ cũ kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại (103 cây điều trồng năm 1997) là 24.036.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Lâm Đồng) đã truy tố bị cáo Ngô Quang N về tội *"Huỷ hoại tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố. Bị cáo cho rằng trước đây ông H có nợ của bị cáo số tiền 50.000.000 đồng chưa trả cho bị cáo nên bị

cáo muốn chiếm diện tích đất này và phá bỏ các cây điều đã già cỗi để trồng cà phê có như vậy ông H mới trả lại tiền cho bị cáo, bị cáo cũng có nghe nói ông H cũng đã chuyển nhượng phần đất này cho người khác, bị cáo không nhận thức được rằng hành vi của mình đã phạm vào tội huỷ hoại tài sản. Khi được nói lời sau cùng, bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng sau khi phân tích tính chất vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Ngô Quang N về tội *"Huỷ hoại tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Ngô Quang N phạm tội *"Huỷ hoại tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 178, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Quang N từ 06 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị B số tiền 24.036.000 đồng.

- Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công án tỉnh Lâm Đồng đã trả lại cho chị B 12.610kg gỗ cây điều đã bị cắt khúc.

- Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bị hại (chị Nguyễn Thị B) tại phiên toà: Bị cáo có ý định muốn chiếm phần đất có diện tích khoảng 0,3 ha và phá bỏ 103 cây điều của chị B, bị cáo có thái độ ngang ngược, coi thường pháp luật nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo phải bồi thường cho chị B 103 cây điều đã bị phá bỏ với số tiền là 24.036.000 đồng, bằng với kết quả định giá tài sản của cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với toàn bộ số gỗ cây điều cơ quan Công an đã trả lại cho chị B nhưng không còn giá trị sử dụng.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông H không thừa nhận có nợ tiền của bị cáo, phần đất 0,3 ha mà bị cáo muốn chiếm đất và phá bỏ 103 cây điều thuộc phần đất trước đây của ông H và cây điều do ông H trồng nhưng ông H đã sang nhượng qua nhiều người, phần đất và tài sản trên đất hiện nay là của chị B.

Anh L khi bị cáo nói muốn bán số cây điều trên diện tích đất 0,3 ha cứ nghĩ là cây điều của bị cáo nên không hỏi gì thêm, đã thuê K'P và K'T cưa hạ, cắt khúc để bán củi và đã đưa cho bị cáo 3.000.000 đồng nhưng hoàn cảnh bị cáo khó khăn nên không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ

toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; lời khai của bị cáo; lời khai của người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Quang N đã khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như diễn biến sự việc theo bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

[3]Hội đồng xét xử nhận định: Đầu tháng 11/2024 với mục đích chiếm đất để sản xuất, Ngô Quang N đã đóng cọc khoanh 3.000m2 đất của chị Nguyễn Thị B tại thôn A, phường B, tỉnh L; thấy số cây điều trên đất đã già cỗi muốn phá bỏ nên đã thoả thuận với anh Trần Văn L bán số cây điều này cho anh L để cưa hạ bán làm củi và anh L đã thuê người cắt hạ, cưa khúc 103 cây điều trên diện tích đất của chị B, gây thiệt hại tài sản cho chị B là 24.036.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ 103 cây điều này trên phần đất 0,3 ha là tài sản của người khác, không phải là tài sản của mình nhưng với mục đích chiếm đất để sản xuất bị cáo đã bán số cây điều này cho người khác để cưa hạ, cắt khúc gây thiệt hại tài sản người khác là 24.036.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, hành vi của bị cáo đã thực hiện đã đủ yếu tố cầu thành tội *"Hủy hoại tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự.

Điều 178 của Bộ luật hình sự quy định như sau:

"1. Người nào hủy hoại tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[4]Xét tính chất vụ án và hành vi của bị cáo: Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là công dân có đầy đủ nhận thức

để hiểu được việc tự ý phá bỏ, cưa cắt cây điều là tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, hành vi của bị cáo đã thực hiện dẫn đến gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của người khác thể hiện sự liều lĩnh coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Sau khi gây thiệt hại cho tài sản của người khác, bị cáo vẫn chưa bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại nào. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người già (65 tuổi). Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[7] Về N thân của bị cáo: Tiền án, tiền sự không, có N thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu nên cần xử phạt bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt nhưng vẫn cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để có tác dụng cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo, phòng ngừa chung trong xã hội.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị B yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng và tại phiên tòa chị B chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số cây điều bị thiệt hại bằng với kết quả định giá tài sản là 24.036.000 đồng và bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này theo yêu cầu của chị B. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị B, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 24.036.000 đồng cho chị B.

[10] Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Công an đã trả lại 12.610 kg gỗ điều cho chi B là phù hợp nên chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do bị cáo là người già nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

[12] Về các nội dung khác của vụ án: Đối với anh Trần Văn L, anh K'P và anh K'T khi cưa cắt cây điều không biết đó là tài sản của chị B nên không xem xét xử lý.

[13] Xét quan điểm buộc tội và đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát N dân tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Ngô Quang N phạm tội "Hủy hoại tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Quang N 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 586, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị B số tiền 24.036.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng đã trả lại cho chị Nguyễn Thị B 12.610kg cây gỗ điều đã bị cắt khúc.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Ngô Quang N được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng (04);
- VKSND khu vực 6-Lâm Đồng (02);
- Phòng THADS khu vực 6-Lâm Đồng;
- Bị cáo, người bị hại, người liên quan;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng